TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình;

Ông Nguyễn Văn Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 6, xã H , huyện T, Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn 6, xã H, huyện T, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng ngày 27-3-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hoà giải. Từ năm 2021 đến nay, chị T và anh C đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh C. Anh chị có 02 con chung là Phạm Phương D, sinh

ngày 17-10-2014 và Phạm Gia B, sinh ngày 29-6-2016. Khi ly hôn, chị T nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu Toà án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung. Chị T hiện đang làm giáo viên mầm non và làm thêm lao động tự do, tổng thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 13.000.000 đồng, đảm bảo việc nuôi con.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bị đơn nhưng anh C không giao nộp văn bản trình bày quan điểm của mình cho Toà án. Xác minh tại gia đình, bà Vũ Thị L (mẹ đẻ anh C) trình bày: Anh C và chị T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014 và chung sống với bà khoảng 02 năm, sau đó chuyển đến sống ở quận H để thuận tiện công việc. Khoảng đầu năm 2023, anh C chuyển về sống với bà L do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không quan tâm nhau. Anh C đã biết về việc chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không muốn ly hôn chị T; trường hợp chị T kiên quyết ly hôn anh, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Chị T và anh C tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014. Do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên từ khoảng hơn một năm trở lại đây chị T không qua lại, quan hệ, thăm nom gia đình anh C. Anh chị có 02 con chung là Phạm Phương D và Phạm Gia B, hiện nay đều đang sống cùng chị T.

Mẹ đẻ chị T là bà Nguyễn Thị Hồng L có văn bản xác nhận mâu thuẫn giữa chị T và anh C, đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Gia đình bà cam kết đảm bảo về chỗ ở cho 3 mẹ con chị T và hỗ trợ chị T trông nom, chăm sóc các con. Các con D và B đều có đơn trình bày nguyện vọng muốn được sống cùng chị T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh C; giao cả hai con chung Phạm Phương D, sinh ngày 17-10-2014 và Phạm Gia B, sinh ngày 29-6-2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung do

đương sự không yêu cầu. Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị T, anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Văn C tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là anh C cư trú tại xã H, huyện T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng ngày 27-3-2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Lời khai của chị T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn, chị T và anh C chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; từ đầu năm 2023 đến nay anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân là do không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xô xát, bất hòa. Chị T thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; anh C cũng đề nghị Toà án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định pháp luật.

[5] Căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả xác minh, xét thấy: Chị T và anh C đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh C.

[6] Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Phạm Phương D, sinh ngày 17-10-2014 và Phạm Gia B, sinh ngày 29-6-2016. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, con chung luôn được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt; chị T có đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở để thực hiện việc nuôi con; nguyện vọng của hai con đều muốn sống với chị T. Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con nên cần căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cả hai con Phạm Phương D và Phạm Gia B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con kể từ ngày 08-5-2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao hai con chung Phạm Phương D, sinh ngày 17-10-2014 và Phạm Gia B sinh ngày 29-6-2016 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 08-5-2024 đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị T đã nộp đủ 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008927 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã H, huyện T (Đăng ký kết hôn năm 2014);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Quyết **Trần Thế Sự** **Nguyễn Thanh Tùng**